

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HS-ST
Ngày 24-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh
Ông Đường Ngọc Đại

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2021/TLST- HS ngày 19 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn C, sinh ngày 10/6/1966; tại xã B, huyện T, tỉnh V Phúc; nơi cư trú: xã B, huyện T, tỉnh V Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị S và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo C: Bà Kim Hồng T1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V Phúc, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/01/1979; tại phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.; nơi cư trú: phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trương Thị V và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

* Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xây dựng Thân H1.

Địa chỉ: Phường P, thành phố P, tỉnh V Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao T2 T1 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Trần Đình D, sinh năm 1963, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phường H, thành phố P, tỉnh V Phúc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trương Thị V, sinh năm 1982, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc..

* Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1958, (vắng mặt).

+ Ông Lương Viết T2, sinh năm 1954, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C, sinh năm 1966, trú tại xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là người nấu ăn, dọn dẹp cho đội thi công xây dựng của Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ và xây dựng Toàn T2 đang xây dựng công trình Trung tâm thương mại Ngọc H của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xây dựng Thân H1 (gọi tắt là Công ty Thân H1), ở phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khoảng 20 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2022, Trần Văn C có hành vi gọi điện rủ và được Nguyễn Văn N, sinh năm 1979, trú tại phường N, thành phố P, đồng ý đến Trung tâm thương mại Ngọc H ở phường N, thành phố P trộm cắp các đoạn sắt vụn để bán lấy tiền chia nhau.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 04 tháng 4 năm 2022, quan sát thấy công trình xây dựng Trung tâm thương mại Ngọc H không có người, C gọi điện thoại cho N nói “*ra đi*”. N hiểu ý của C rủ ra công trình xây dựng Trung tâm thương mại Ngọc H để trộm cắp sắt. Sau đó N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu sơn đỏ, gắn biển kiểm soát (BKS) 88C1 - 033.08 kéo theo xe cải tiến bên trong có một lõi chắn đi ra công trình xây dựng Trung tâm thương mại Ngọc H. C nhặt các đoạn sắt vụn bỏ lại rồi vác chuyển qua hàng rào tôn bảo vệ Công trình để N đứng bên ngoài xếp lên xe cải tiến. Khi N chuẩn bị nổ máy xe mô tô để chở sắt đi tiêu thụ thì bị ông Lương Viết T2, sinh năm 1954, ở xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, là bảo vệ công trình xây dựng Trung tâm thương mại Ngọc H phát hiện, hô “*Trộm, trộm*” thì C và N bỏ chạy để lại toàn bộ phương tiện và tang vật tại hiện trường. Một lúc sau N và C tự quay lại hiện trường để làm việc và trình bày toàn bộ nội dung hành vi trộm cắp tài sản của mình. Ông T2 đã trình báo Công an phường N Viêm đến lập Biên bản sự việc, thu giữ tang vật theo quy định.

* *Về thu giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:*

- Thu giữ 200kg sắt gồm các đoạn sắt có kích thước khác nhau là tài sản hợp pháp của Công ty Thân H1, ngày 24 tháng 5 năm 2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Thân H1, do ông Trần Đình D là đại diện theo ủy quyền của Công ty.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu sơn đỏ, gắn BKS: 88C1 - 033.08, là tài sản hợp pháp của chị Trương Thị V, sinh năm 1982, ở phường N, thành phố P (là vợ của Nguyễn Văn N). Chị V không biết N sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp.

- 01 xe cải tiến là tài sản riêng của Nguyễn Văn N, đã sử dụng để phạm tội.

- 01 lỗi chặn là tài sản hợp pháp của gia đình bị can N đã cũ không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A30 của Nguyễn Văn N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen của Trần Văn C, đã dùng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên có Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL- HĐĐGTS, kết luận: 200kg sắt tại thời điểm ngày 04 tháng 4 năm 2022, có trị giá là 2.900.000 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo C cho rằng Trần Văn C bị Bệnh tâm thần nên ngày 17 tháng 5 năm 2022 Cơ quan điều tra có quyết định Trưng cầu giám định Tâm thần đối với Trần Văn C.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc có Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 71/KL - GD, kết luận:

“- Trần Văn C không bị bệnh tâm thần.

- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 04/4/2022, Trần Văn C không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

- Hiện tại Trần Văn C không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi”.

Tại Cáo trạng số: 84/CT - VKSPY ngày 18 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn

thử thách từ 12 (Mười) hai tháng đến 16 (Mười sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 12 (Mười) hai tháng đến 16 (Mười sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho chị Trương Thị V 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu sơn đỏ, gắn BKS: 88C1 - 033.08.

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.01 xe cải tiến là tài sản riêng của Nguyễn Văn N.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 lõi chặn đã cũ.

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà Nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG GALAXY A30 của Nguyễn Văn N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen của Trần Văn C.

Người bào chữa cho bị cáo C là bà Kim Hồng T1 vắng mặt tại phiên tòa và có gửi bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, để giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đề nghị xử lý vật chứng của vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo C và bị cáo N đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Bị cáo C và bị cáo N nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để xác định các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn N đã trộm cắp tài sản có trị giá như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 04 tháng 04 năm 2022, tại công trường xây dựng Trung tâm thương mại Ngọc H thuộc phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trần Văn C và Nguyễn Văn N có hành vi trộm cắp 200 kg sắt vụn của Công ty Thân H1, trị giá 2.900.000 đồng nên hành vi nêu trên của các bị cáo C và bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, điều luật quy định:

Khoản 1 Điều 173 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 84/CT - VKSTPPY ngày 18 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất, vai trò và đường lối xử lý đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo C và bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn C trong vụ án này có vai trò là người khởi sự và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp sắt. Bị cáo Nguyễn Văn N sau khi được C rủ đi

trộm cắp, bị cáo N đã chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp cùng C thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo C là người khuyết tật trí tuệ mức độ nặng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra và trước khi xét xử vụ án, phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 200kg sắt gồm các đoạn sắt có kích thước khác nhau là tài sản hợp pháp của Công ty Thân H1, ngày 24 tháng 5 năm 2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Thân H1, do ông Trần Đình D là đại diện theo ủy quyền của Công ty. Ông D đã nhận đủ và không đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu sơn đỏ, gắn BKS: 88C1 - 033.08, là tài sản hợp pháp của chị Trương Thị V. Chị V không biết N sử dụng chiếc xe nêu trên để đi trộm cắp, nên cần trả lại cho chị V.

- 01 xe cải tiến là tài sản riêng của Nguyễn Văn N, đã sử dụng để phạm tội, cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- 01 lõi chặn là tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo N đã cũ không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A30 của Nguyễn Văn N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen của Trần

Văn C, đã dùng để liên lạc rủ N đi trộm cắp tài sản, cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo C và bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (Mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (Mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị Trương Thị V 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu sơn đỏ, gắn BKS: 88C1 - 033.08.

- Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 xe cải tiến là tài sản riêng của Nguyễn Văn N.

- Tịch thu tiêu hủy 01 lõi chặn đã cũ.

- Tịch thu bán sung quỹ Nhà Nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG GALAXY A30 của Nguyễn Văn N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen của Trần Văn C.

(Tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn C và bị cáo Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V Phúc;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp V Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Trang Nhung